**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN HỒNG DÂN**
**TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2019
*V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN NHÂN HUYỆN HỒNG DÂN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lâm Bé Nhi**
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà **Nguyễn Thị Hiểu**
2. Ông **Danh On**
*Thư ký phiên tòa*: Ông **Phan Tú Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.
*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:* Ông **Dương Minh Kha** – Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 162/2019/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "xin ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị L** – sinh năm 1980.
Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
*Bị đơn*: Ông **Võ Văn H** – sinh năm 1975.
Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Lê Thị L và ông Võ Văn H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng bà L có làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bà Lê Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1996 bà với ông Võ Văn H có tổ chức cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên cuộc sống không hạnh phúc, từ đó bà với ông H đã sống L thân với nhau từ đầu năm 2019 đến nay. Do đó bà L yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn H.

- Về quan hệ con chung: Bà và ông H có chung với nhau 02 người con. Gồm: Võ Trúc G, sinh năm 1997 và Võ Văn K, sinh ngày 01/01/2002. Cháu G đã

trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết, còn cháu K thì tùy theo nguyện vọng của cháu, nếu cháu sống cùng bà thì bà nuôi và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản chung: bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng bị đơn ông Võ Văn H không có mặt tại địa phương. Do đó Tòa án tiến hành các thủ tục niêm yết đối với ông H trong suốt quá trình giải quyết tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đây đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án.

-Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị L và ông Võ Văn H là vợ chồng.

+ Về quan hệ con chung: cháu Võ Trúc G đã trưởng thành nên không đặc ra xem xét, giải quyết. Ghi nhận nguyện vọng của cháu Võ Văn K, sinh ngày 01/01/2002 muốn cùng bà L nên tiếp tục giao cháu K cho bà L nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông có quyền tới lui thăm nôm, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Buộc bà L phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000đ. Ông H không phải chịu nộp án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham dự phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp xin ly hôn và nuôi con mà bị đơn ông Võ Văn H cư trú tại ấp C, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc ông Võ Văn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do và bà Lê Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt được quy định theo quy định tại Điều 227, Điều

228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp nguyên, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

*Về Nội dung*:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L xác định bà và ông H có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc từ năm 1996 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Nay bà L yêu cầu L hôn với ông H mặc dù không ghi nhận được ý kiến của ông H nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".* Do đó căn cứ vào Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận bà Lê Thị L và ông Võ Văn H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà L xác định và căn cứ theo sổ hộ khẩu gia đình bà cung cấp thì bà L và ông H có chung hai người con chung tên Võ Trúc G, sinh năm 1997 và Võ Văn K sinh ngày 01/01/2002. Cháu G đã trưởng thành bà L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Còn cháu Võ Văn K, sinh ngày 01/01/2002 , nguyện vọng của cháu K muốn cùng bà L, bà L đồng ý nuôi cháu K. Do đó cần tiếp tục giao cháu Võ Văn K, sinh ngày 01/01/2002 cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông có quyền tới lui thăm nôm, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa ngày hôm nay là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[4]Về án phí: Buộc bà Lê Thị L phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000đ. Ông Võ Văn H không phải chịu nộp án phí.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 272 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị L và ông Võ Văn H là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Cháu Võ Trúc G sinh năm 1997 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ghi nhận nguyện vọng của cháu K muốn sống cùng chị Lê Thị L. Chị L đồng ý nuôi cháu K và không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Do đó, tiếp tục giao cháu Võ Văn K, sinh ngày 01/01/2002 cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông có quyền tới lui thăm nôm, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Lê Thị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000đ. Ghi nhận bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002640 ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân nay được chuyển thu toàn bộ án phí.

Ông Võ Văn H không phải chịu nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm hôn nhân và gia đình công khai. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Lâm Bé Nhi**

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Bạc Liêu;*
- *VKSND huyện Hồng Dân;*
- *CC.THADS huyện Hồng Dân;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa.*